

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM
BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2017/TB-ĐHNLBG-HĐT

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH THI VÀ DANH SÁCH PHÒNG THI

Kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ A2 khung tham chiếu
Châu Âu, đợt thi ngày 24 tháng 11 năm 2018

I. KẾ HOẠCH THI

Ngày	Buổi	Kỹ năng thi	Phòng thi	Địa điểm	Thời gian làm bài	Thời gian thí sinh có mặt
Thứ Bảy 24/11/2018	Chiều	- Đọc và Viết - Nghe	01	Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Nghe: 30 phút - Đọc và Viết: 70 phút	13h00'
			02	Phòng học lý thuyết 01 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)		
			03	Phòng học tiếng 02 TT Ngoại ngữ - Tin học (tầng 3, Nhà B1)		
		Nói	01, 02, 03	1. Phòng thí sinh chuẩn bị: Phòng học lý thuyết 01 (tầng 3, Nhà B1) 2. Phòng vấn đáp: Phòng thực hành Khoa Kinh tế - Tài chính (tầng 3, Nhà B1)	- Thời gian chuẩn bị: 5 phút - Thời gian hội thoại: 8-10 phút	16h00'

Chú ý: Đúng 14h00' thứ Sáu ngày 23/11/2018 thí sinh có mặt tại văn phòng Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học để nhận Phiếu báo dự thi.

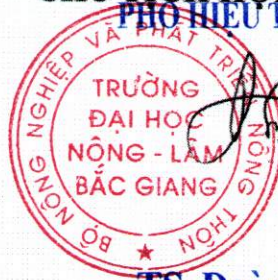
II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT

TT		THỜI GIAN		CHỦ TRÌ
		Chiều thứ Bảy ngày 24/11/2018		
1	Họp HĐKT phân công nhiệm vụ	12:45 - 13:00	16:00 - 16:05	Chủ tịch HĐ
2	Sinh hoạt quy chế/ nội qui phòng thi.	13:00 - 13:15		Thư ký HĐ
3	- Đánh số báo danh, - Gọi thí sinh vào phòng thi, kiểm tra Phiếu dự thi, đính chính thông tin sai sót của thí sinh trên phiếu dự thi. - Hướng dẫn thí sinh ghi các thông tin trên Đề thi và Phiếu trả lời	13:15 - 13:45	16:05 - 16:10	Cán bộ coi thi 1
4	Nhận đề thi tại phòng Hội đồng	13:45 - 13:50	16:10 - 16:15	Cán bộ coi thi 1
5	Bóc, phát đề thi	13:50 - 14:00	16:15 - 16:20	Cán bộ coi thi
6	Bắt đầu tính thời gian làm bài thi	14:00 (Nghe) 14:30 (Đọc và Viết)	16:20 (Nói)	Cán bộ coi thi
7	Thu bài thi	15:40	Ngày sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi	Cán bộ coi thi.
8	Nộp bài thi, biên bản phòng thi tại phòng Hội đồng	Ngày sau khi hoàn tất nhiệm vụ tại phòng thi		Cán bộ coi thi và Ban thư ký
9	Họp tổng kết coi thi tại phòng Hội đồng	Ngày sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Ngày sau khi kết thúc các nhiệm vụ	Chủ tịch HĐ

III. DANH SÁCH PHÒNG THI

(Xem danh sách phòng thi chi tiết đính kèm)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đoàn Văn Soạn

BỘ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 24 tháng 11 năm 2018

Phòng thi: 01

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA01	Nguyễn Thế Anh	30/06/1995	Lạng Sơn	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0266	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA02	Nguyễn Thế Anh	24/01/1998	Bắc Giang	Nam	C-KETOAN17A	16CKT1069	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA03	Đàm Thị Bình	18/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0001	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA04	Dương Thị Thùy Chinh	19/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0331	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA05	Nguyễn Thành Công	05/04/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0458	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA06	Trần Đình Công	24/12/1998	Hà Nội	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0003	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA07	Hoàng Văn Cương	03/11/1997	Hà Nội	Nam	D-KHCT5A	15DTY0334	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA08	Ngô Tiến Dũng	21/03/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0461	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA09	Hoàng Văn Dương	12/10/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0007	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA10	Thân Thị Thùy Dương	12/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0400	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA11	Nguyễn Văn Bắc Đầu	22/05/1998	Thừa Thiên Huế	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0008	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA12	Dương Văn Đoàn	10/11/1998	Ninh Bình	Nam	D-THUY6A	16DTY0401	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA13	Nguyễn Duy Đức	30/10/1995	Phú Thọ	Nam	D-THUY6C	16DTY0439	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA14	Bùi Thị Hà	26/09/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4A	14DTY0139	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA15	Chu Thị Hà	28/02/1997	Bắc Ninh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0275	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA16	Nguyễn Thị Thanh Hà	02/06/1998	Hưng Yên	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0011	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA17	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/06/1996	Hà Giang	Nữ	D-KHCT5A	15DKHCT0090	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA18	Lê Thu Hằng	21/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0018	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA19	Nguyễn Thị Minh Hiền	14/06/1998	Hưng Yên	Nữ	D-THUY6B	16DTY0465	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA20	Nguyễn Trung Hiếu	28/02/1998	Hà Nam	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0013	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	TA21	Vì Thị Hoài	07/11/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0345	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	TA22	Dương Mạnh Hoàng	06/06/1995	Bắc Giang	Nam	D-THUY4C	14DTY0236	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
23	TA23	Hà Thị Ngọc Huyền	15/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-CNTY6A	16DCNTY0020	13h00'	PMKTTC	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 23 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1)

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 24 tháng 11 năm 2018

Phòng thi: 02

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA24	Nguyễn Trọng Huỳnh	17/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DKT0345	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA25	Bùi Thị Hương	01/10/1998	Hòa Bình	Nữ	D-THUY6A	16DTY0413	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA26	Nguyễn Duy Khánh	07/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0022	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA27	Nguyễn Duy Khương	26/10/1993	Bắc Giang	Nam	D-QLTN4B	14DQLTN0237	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA28	Nguyễn Thị Thanh Lam	22/08/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0347	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA29	Kpă Lan	05/06/1996	Gia Lai	Nam	D-THUY5A	15DTY0295	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA30	Lê Tùng Lâm	17/08/1997	Yên Bái	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0006	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA31	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0349	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA32	Vi Ngọc Linh	12/06/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0422	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA33	Hoàng Thị Mai	10/07/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0297	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA34	Lê Thế Mạnh	23/03/1996	Quảng Ninh	Nam	D-QLTN4B	14DQLTN0243	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA35	Dương Văn Minh	18/05/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0482	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA36	Tạ Thị Minh	12/09/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0351	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA37	Vũ Hồng Minh	14/12/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0426	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA38	Nguyễn Quốc Mẫn	30/03/1982	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0025	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA39	Phan Thị Nga	10/10/1998	Nghệ An	Nữ	D-THUY6B	16DTY0486	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA40	Nguyễn Thị Ngân	12/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0487	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA41	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	28/09/1997	Bạc Liêu	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0303	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA42	Ngô Bảo Ngọc	22/09/1995	Sơn La	Nữ	D-QLDD5A	13DQLDD0165	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA43	Trần Thị Minh Nguyệt	21/05/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6B	16DTY0489	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	TA44	Nông Thị Hồng Nhung	28/07/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0492	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	TA45	Vi Văn Phúc	28/08/1996	Bắc Giang	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0033	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
23	TA46	Đỗ Đăng Phương	02/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0493	13h00'	P.Lý thuyết 01	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 23 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1)

DANH SÁCH SINH VIÊN THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU

Kỳ thi ngày 24 tháng 11 năm 2018

Phòng thi: 03

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	Thi ĐỌC và VIẾT, NGHE		Thi NÓI		
								Thời gian thi	Địa điểm thi	Thời gian thi	Phòng chuẩn bị	Phòng vấn đáp
1	TA47	Vi Thị Phương Quế	18/02/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0359	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
2	TA48	Dương Thời Quyết	06/12/1997	Lạng Sơn	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
3	TA49	Phạm Dương Quỳnh	25/07/1995	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0367	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
4	TA50	Lừ Thị Sen	28/08/1998	Quảng Ninh	Nữ	D-THUY6B	16DTY0495	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
5	TA51	Nguyễn Thị Soan	18/04/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6C	16DTY0496	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
6	TA52	Hoàng Văn Sơn	11/06/1997	Hà Giang	Nam	D-KHCT5A	15DKHCT0101	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
7	TA53	Hoàng Văn Tài	06/07/1997	Bắc Giang	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0310	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
8	TA54	Ngô Văn Thái	07/07/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6A	16DTY0434	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
9	TA55	Hoàng Vũ Thành	19/12/1998	Hà Nam	Nam	D-THUY6A	16DTY0437	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
10	TA56	Trần Trọng Thành	28/09/1998	Bắc Ninh	Nam	D-THUY6C	16DTY0500	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
11	TA57	Nguyễn Phương Thảo	06/07/1998	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN6A	16DKT0361	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
12	TA58	Thân Quang Thiều	02/11/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6C	16DTY0501	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
13	TA59	Đinh Thị Thùy	06/06/1996	Bắc Giang	Nữ	D-THUY4C	14DTY0259	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
14	TA60	Ngô Trường Thức	12/02/1996	Ninh Bình	Nam	D-THUY4C	14DTY0256	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
15	TA61	Đoàn Ngọc Tiến	23/10/1998	Hưng Yên	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0039	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
16	TA62	Trần Thị Trang	08/04/1998	Hải Dương	Nữ	D-THUY6B	16DTY0511	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
17	TA63	Nguyễn Phi Triệu	26/01/1997	Bắc Giang	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0104	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
18	TA64	Phùng Anh Tuấn	04/04/1997	Hà Nội	Nam	D-CHANNUOI5A	15DCN0105	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
19	TA65	Trần Ngọc Uyên	15/09/1997	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0323	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
20	TA66	Trần Thị Thu Uyên	07/10/1998	Bắc Giang	Nữ	D-THUY6A	16DTY0446	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
21	TA67	Đinh Hồng Vân	12/04/1998	Hà Nội	Nữ	D-THUY6A	16DTY0447	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
22	TA68	Vũ Ngọc Viên	14/12/1998	Bắc Giang	Nam	D-THUY6B	16DTY0518	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC
23	TA69	Trần Long Vũ	14/01/1998	Sơn La	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0040	13h00'	P.Học tiếng 02	16h00'	P.Lý thuyết 01	PMKTTC

Danh sách trên gồm 23 thí sinh./.

Chú thích: PMKTTC (Phòng máy tính Khoa Kinh tế - tài chính, tầng 3 - nhà B1)